CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP

Ngày 30/09/2025	52,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.1%	**5.8%**	**-6.3%**

DT thuần
Q3/25
253
tỷ VNĐ
QoQ: ▼178| -41.4%
YoY: ▼42.0| -14.3%

LN thuần
Q3/25
18.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.80| -29.8%
YoY: ▼6.00| -24.6%

LN sau thuế
Q3/25
14.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.30| -30.0%
YoY: ▼4.60| -23.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
7.4%
YoY: +/-▲ 1.2%

ROE (TTM)
Q3/25
21.2%
YoY: +/-▼ 2.3%

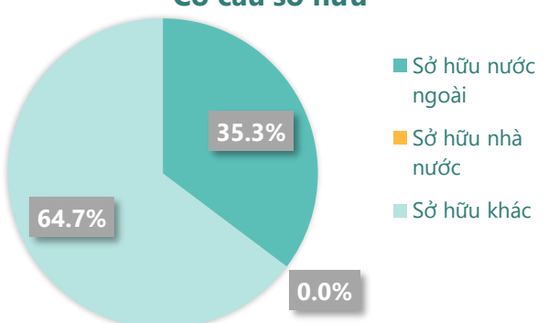
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	42,206 - 72,436
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	656
Số lượng CPLH (CP)	12,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	380
Sở hữu nước ngoài	35.3%
Beta	0.76
EPS	5,924
P/E	8.9

DT thuần
9T 2025
1,148
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 235| 25.8%

LN thuần
9T 2025
90.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.0| 23.0%

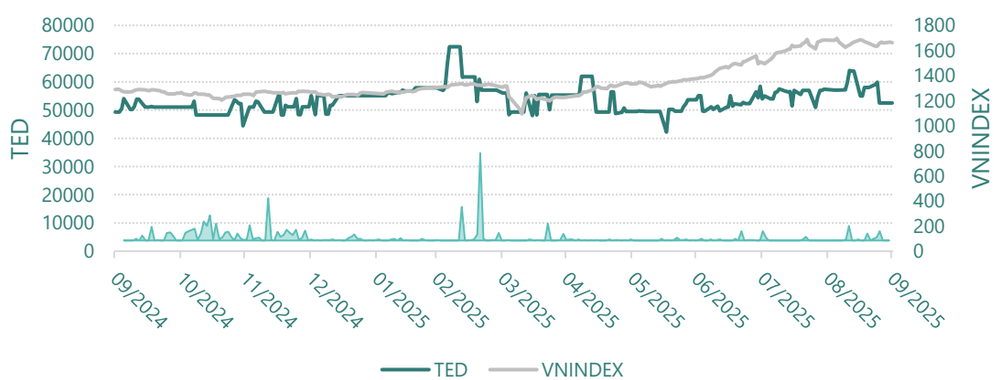
LN sau thuế
9T 2025
72.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.1| 24.3%

Cơ cấu sở hữu

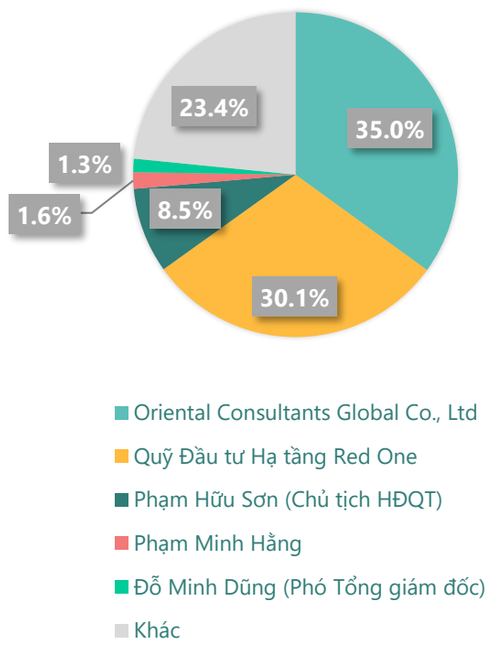


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



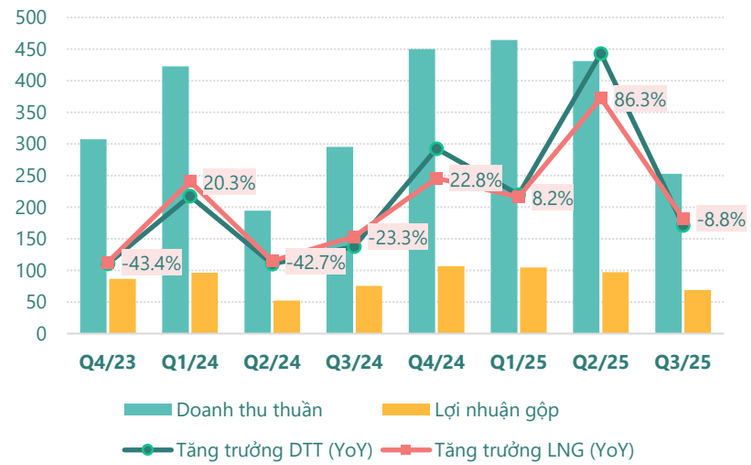
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

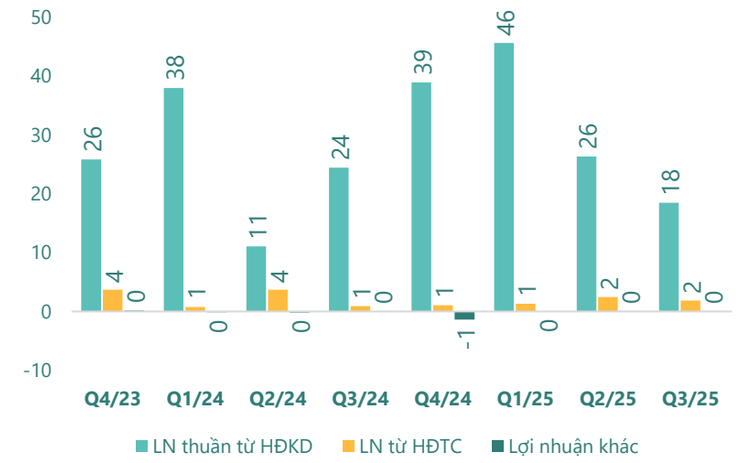
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



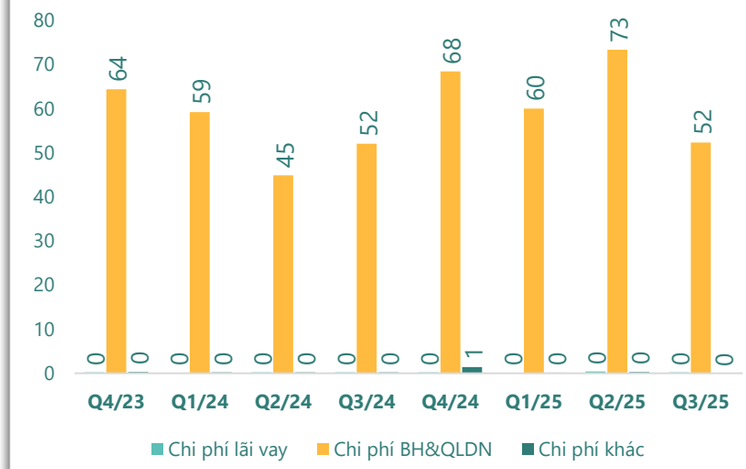
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



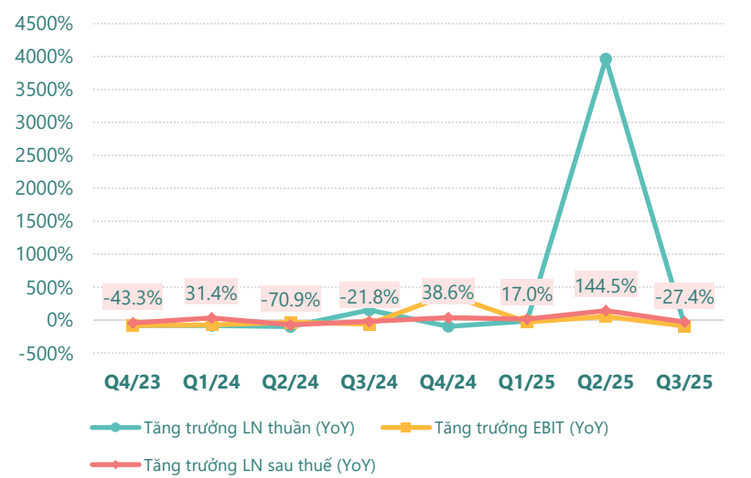
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



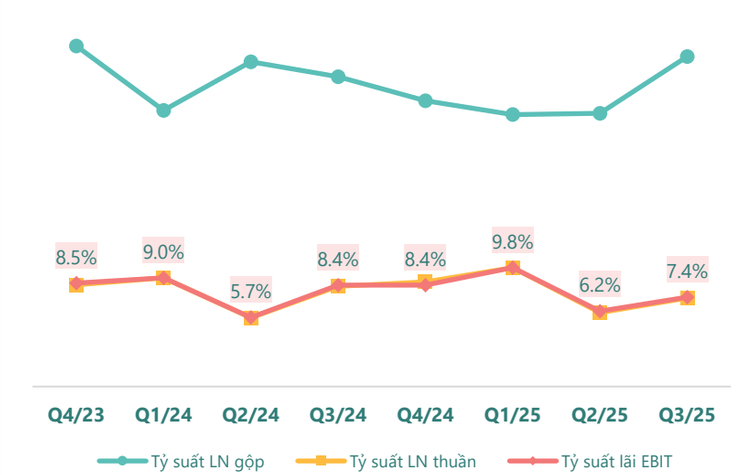
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



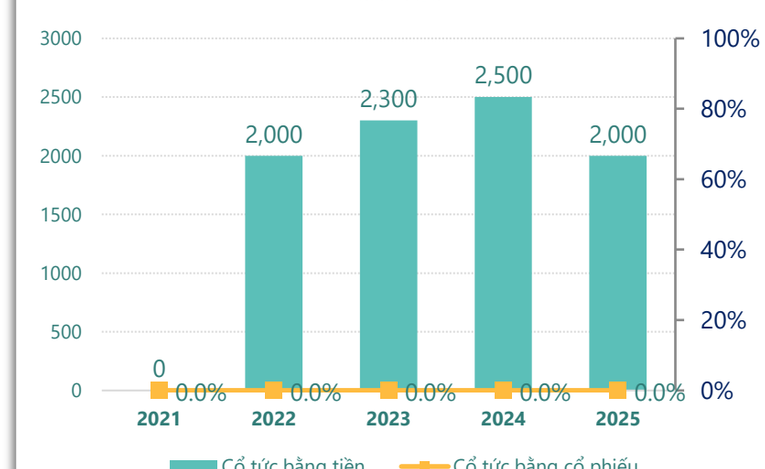
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

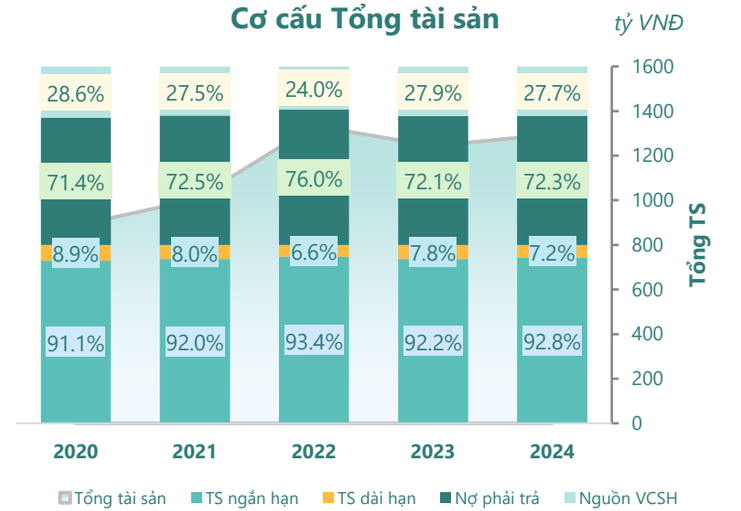
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

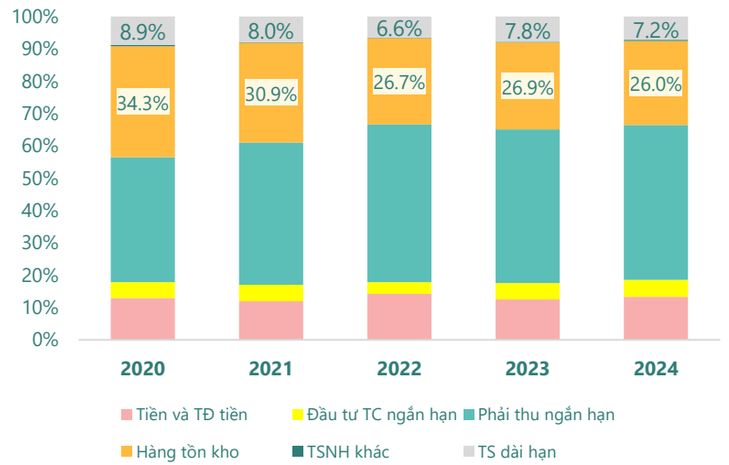
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



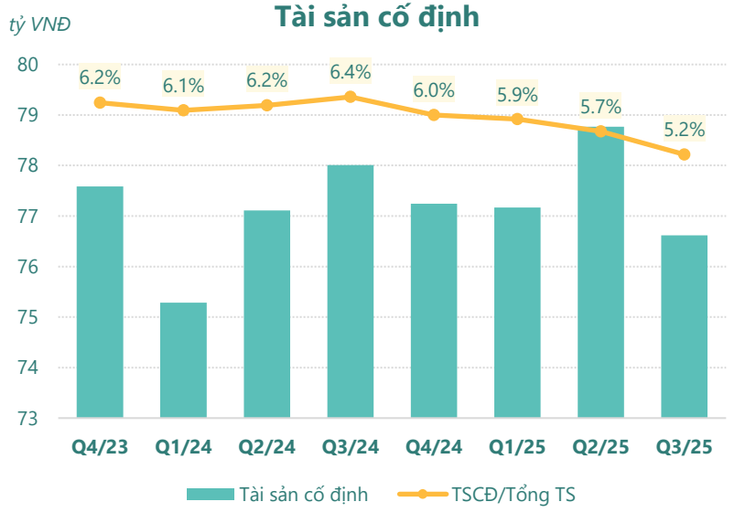
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



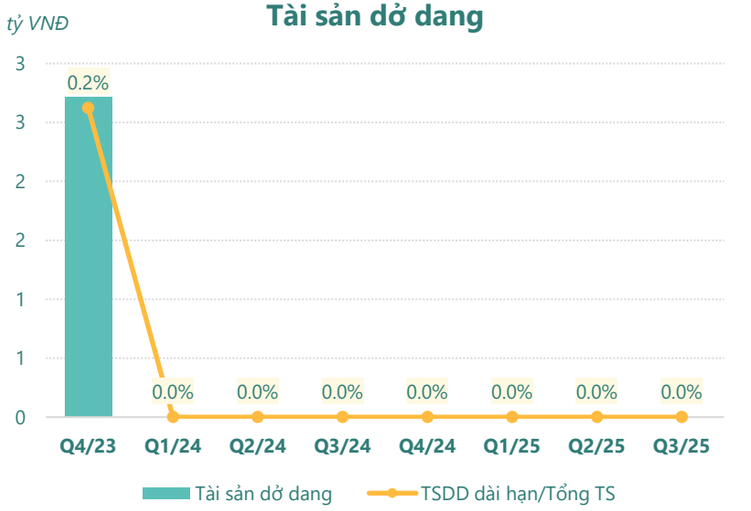
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



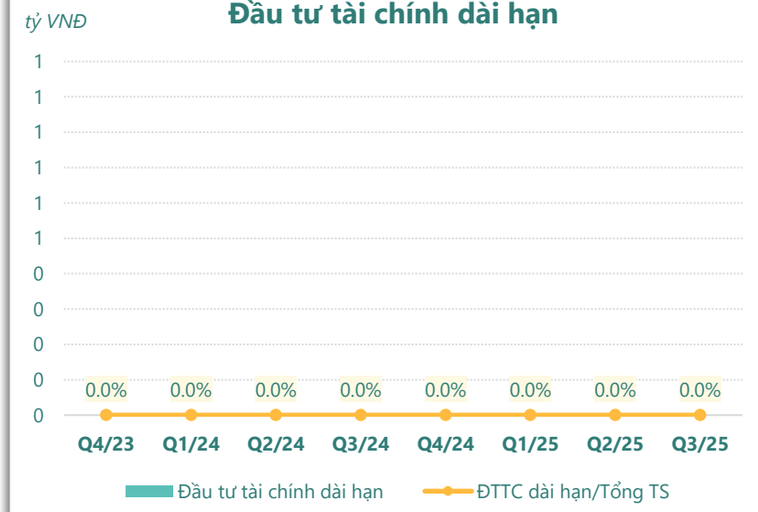
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



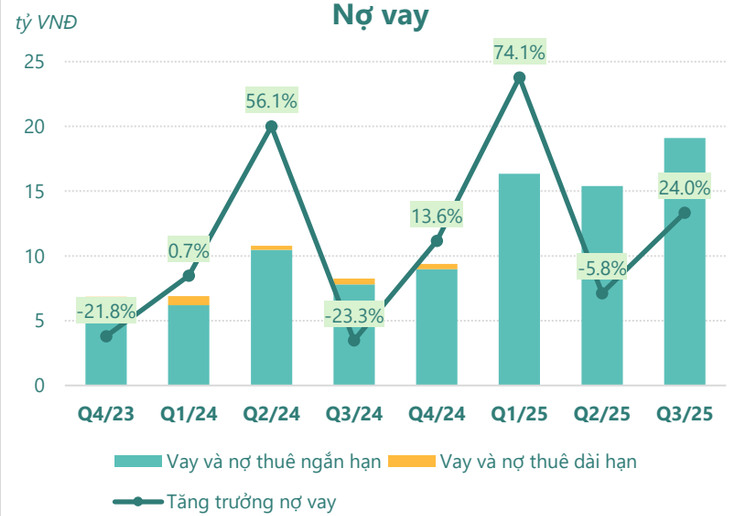
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

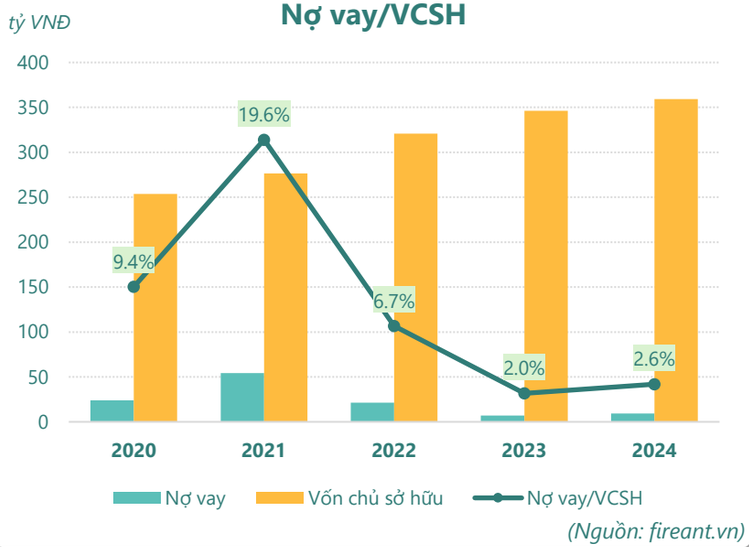
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

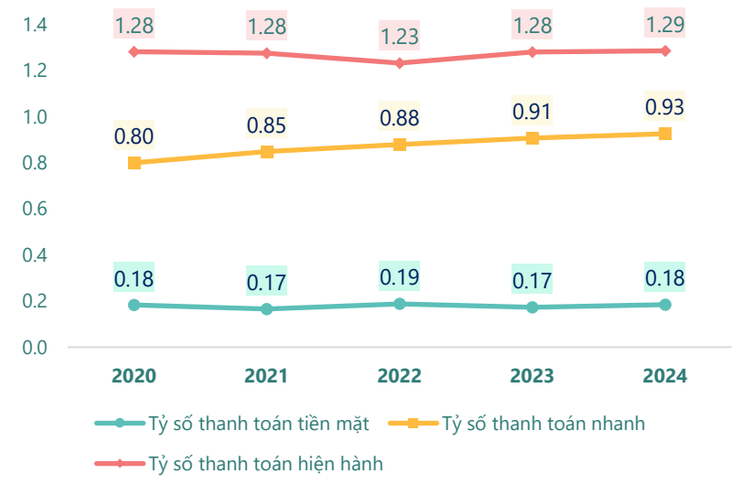
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



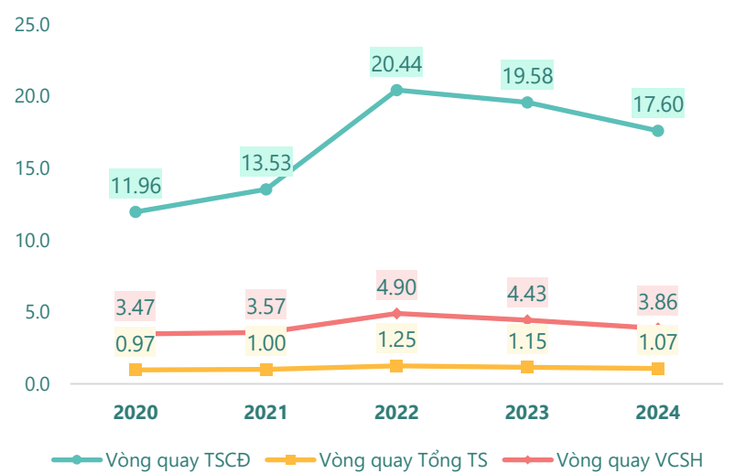
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



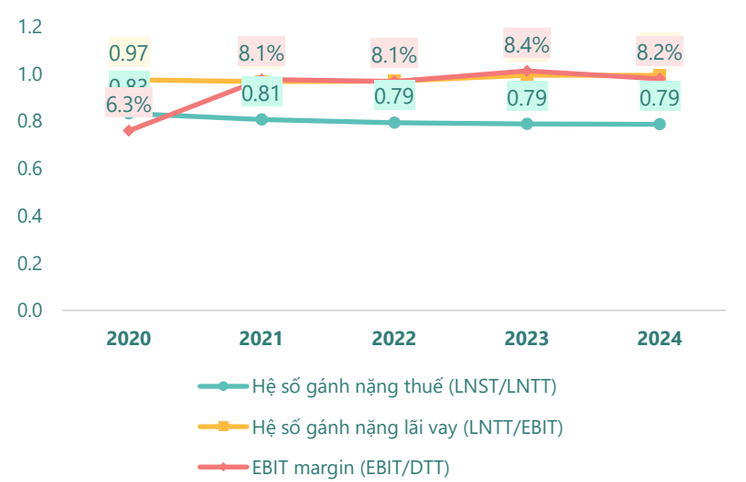
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



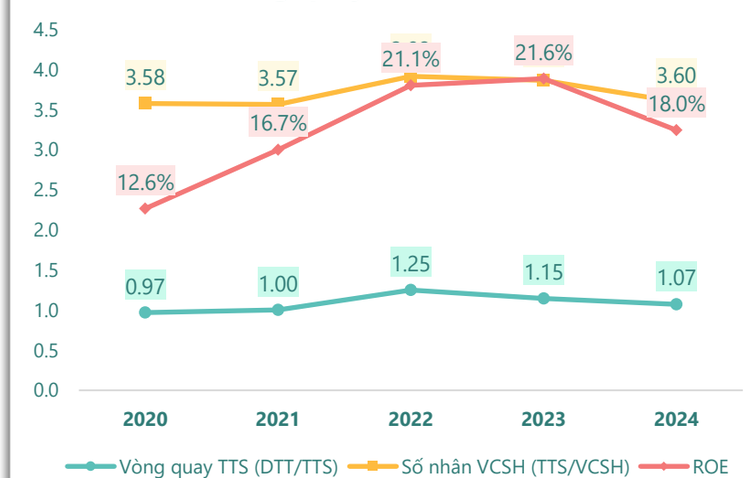
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



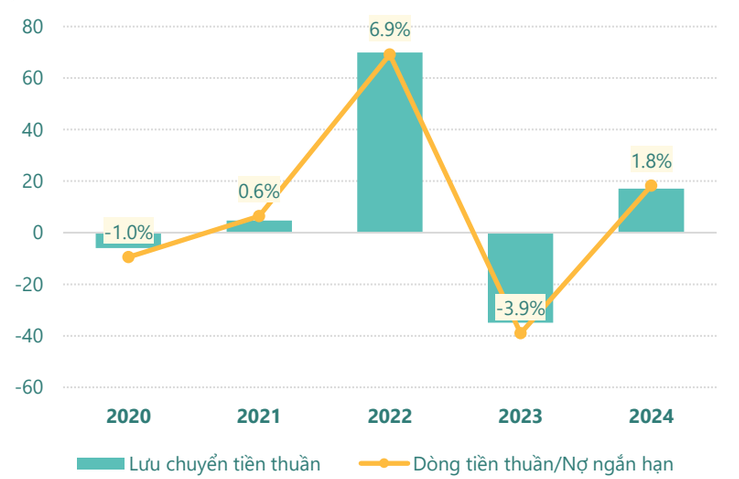
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**253**	**295**	**-14.3%**	**1,148**	**913**	**25.8%**
Giá vốn hàng bán	184	220	-16.5%	877	688	27.5%
Lợi nhuận gộp	69.0	75.6	-8.8%	271	224	20.6%
Doanh thu HĐTC	2.04	1.20	69.7%	6.25	6.02	3.9%
Chi phí TC	0.20	0.31	-35.0%	0.69	0.64	7.3%
Chi phí lãi vay	0.20	0.18	11.9%	0.67	0.51	29.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**52.3**	**52.1**	**0.5%**	**186**	**156**	**19.0%**
LN thuần từ HĐKD	18.5	24.5	-24.6%	90.5	73.5	23.0%
Lợi nhuận khác	**0.03**	**0.06**	**-53.1%**	**0.06**	**-0.22**	**125%**
LN trước thuế	18.5	24.5	-24.5%	90.5	73.3	23.4%
Lợi nhuận sau thuế	**14.7**	**19.3**	**-23.9%**	**72.1**	**58.0**	**24.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.9**	**14.9**	**-27.1%**	**52.6**	**42.5**	**23.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-52.0	24.7	67.2	42.7	87.8	12.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	13.4	-1.88	-2.17	-27.4	-7.40	-16.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.73	-40.6	-6.25	6.96	-1.18	-30.6
Tiền đầu kỳ	166	132	114	173	195	275
Lưu chuyển tiền thuần	**-34.8**	**-17.7**	**58.8**	**22.3**	**79.2**	**-34.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.63	0	-0.04	0	0.21	0
Tiền cuối kỳ	132	114	173	195	275	241

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,468**	**1,297**	**13.2%**
Tài sản ngắn hạn	1,377	1,203	14.5%
Tiền và tương đương tiền	241	173	39.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	115	67.8	69.2%
Phải thu ngắn hạn	711	621	14.6%
Hàng tồn kho	304	337	-9.6%
Tài sản ngắn hạn khác	6.43	4.51	42.6%
Tài sản dài hạn	**90.8**	**93.6**	**-3.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	76.6	77.2	-0.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**14.1**	**16.4**	**-13.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,099	937	17.2%
Nợ ngắn hạn	**1,097**	**936**	**17.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.1	9.39	103%
Phải trả người bán ngắn hạn	86.2	87.2	-1.1%
Nợ dài hạn	1.92	1.69	13.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**369**	**359**	**2.8%**
Vốn chủ sở hữu	**369**	**359**	**2.8%**
Vốn điều lệ	125	125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)